

SO SÁNH ĐẶC ĐIỂM NHÂN KHẨU HỌC CỦA NGƯỜI DÂN TẬP LUYỆN THỂ DỤC THỂ THAO THƯỜNG XUYÊN KHU VỰC MIỀN NÚI THUỘC CÁC MIỀN TẠI VIỆT NAM

Đỗ Hữu Trường⁽¹⁾
Phan Đức Thắng⁽²⁾

Tóm tắt:

Tiến hành khảo sát thực trạng đặc điểm nhân khẩu học của người dân tập luyện TDTT thường xuyên tại khu vực miền núi Việt Nam và so sánh sự khác biệt giữa các miền Bắc, Trung, Nam trên các mặt: đặc điểm thông tin cá nhân, đặc điểm thói quen tập luyện TDTT... làm cơ sở đề xuất giải pháp và xây dựng mô hình phát triển TDTT quần chúng ở khu vực miền núi thuộc các vùng miền tại Việt Nam.

Từ Khóa: TDTT quần chúng, đặc điểm nhân khẩu học, Miền núi Việt Nam...

Compare the demographic characteristics of people practicing sports regularly in mountainous areas in different regions of Vietnam

Summary:

The topic has conducted a survey on the current demographic characteristics of people practicing sports regularly in Vietnam mountainous areas and compared the differences between the North, Central and South regions. The comparison is done on the following aspects: personal information characteristics, practice habit characteristics, etc. The result serves as a basis for proposing solutions and building a model of public sport development in mountainous regions in Vietnam.

Keywords: public sport, regular physical training, mountainous areas of Vietnam.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam có 15 tỉnh miền núi và 25 tỉnh có một số huyện và xã miền núi, với diện tích khoảng 23 triệu hecta, chiếm 3/4 diện tích đất đai trong cả nước, là nơi cư trú của hơn 50 nhóm dân tộc có nhiều phong tục tập quán khác nhau. Trên địa bàn miền núi, nơi có rất nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống sẽ có đặc điểm kinh tế - xã hội, đặc điểm dân tộc và văn hóa cũng như đặc điểm địa lý và khí hậu khác hẳn so với vùng đồng bằng, nơi đa số dân tộc Kinh sinh sống. Chính vì vậy, đặc điểm phát triển TDTT cũng như đặc điểm người dân tập luyện TDTT thường xuyên nói riêng cũng sẽ có nhiều đặc điểm khác so với các vùng đồng bằng, miền biển...

Để có căn cứ đề xuất giải pháp và xây dựng mô hình phát triển TDTT quần chúng khu vực miền núi Việt Nam, chúng tôi tiến hành khảo

sát: Đặc điểm nhân khẩu học của người dân tập luyện TDTT thường xuyên tại khu vực miền núi Việt Nam và so sánh sự khác biệt đặc điểm nhân khẩu học của người dân tập luyện TDTT thường xuyên giữa 3 miền Bắc, Trung, Nam.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp quan sát sơ phạm, phương pháp điều tra xã hội học và phương pháp toán học thống kê.

Đánh giá dựa trên kết quả khảo sát thực trạng phong trào TDTT ở miền núi. Tiến hành khảo sát thực tế tại khu vực miền núi của 7 tỉnh thuộc 3 miền Bắc, Trung và Nam.

Khu vực miền núi thuộc các tỉnh miền Bắc: Lựa chọn khảo sát 1 tỉnh thuộc Đông Bắc và 1 tỉnh Thuộc Tây Bắc gồm: Tỉnh Hà Giang và

⁽¹⁾PGS.TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

⁽²⁾TS, Học viện Cảnh sát nhân dân

Tỉnh Sơn La

Khu vực miền núi thuộc các tỉnh miền Trung: Lựa chọn khảo sát 1 tỉnh thuộc khu vực miền trung, 1 tỉnh thuộc miền Nam cũ, 1 tỉnh thuộc Tây Nguyên gồm: Tỉnh Nghệ An, tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Đắk Lắk

Khu vực miền núi thuộc các tỉnh miền Nam: Lựa chọn khảo sát tỉnh Tây Ninh và Bình Phước
Số lượng mẫu khảo sát cụ thể (người dân): 3429 người, trong đó có 1842 nam và 1587 nữ.
Chi tiết mẫu khảo sát tại các tỉnh:

Cấu trúc giới tính	Hà Giang	Sơn La	Nghệ An	Quảng Ngãi	Đắk Lắk	Tây Ninh	Bình Phước	Tổng
Nam	255	327	327	303	318	116	196	1842
Nữ	237	267	258	288	270	103	164	1587
Tổng	492	594	585	591	588	219	360	3429

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Đặc điểm đối tượng khảo sát

Tiến hành khảo sát 3429 người dân sinh sống tại khu vực miền núi Việt Nam thuộc 07 tỉnh

trên 3 miền đất nước Việt Nam (miền Bắc, miền Trung và miền Nam), trong đó có 1842 nam và 1587 nữ. Đặc điểm đối tượng khảo sát được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Đặc điểm đối tượng khảo sát (n=3429)

Đặc điểm	Phân loại	Tổng số		Thứ tự
		m _i	%	
Giới tính	Nam	1842	53.72	1
	Nữ	1587	46.28	2
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	844	24.61	2
	Có gia đình	2585	75.39	1
Lứa tuổi	6-24 tuổi	916	26.71	1
	25-34 tuổi	672	19.6	4
	35-54 tuổi	701	20.44	2
	55-64 tuổi	681	19.86	3
	Từ 65 tuổi trở lên	459	13.39	5
Nghề nghiệp	Học sinh, sinh viên	619	18.05	3
	Nông nghiệp	1080	31.5	1
	Công nhân viên chức nhà nước	402	11.72	4
	Kinh doanh	353	10.29	5
	Lao động tự do	722	21.06	2
	Hưu trí, mất sức lao động	251	7.32	6
Thu nhập bình quân/ tháng	Phụ thuộc (không có thu nhập)	471	13.74	4
	Dưới 1 triệu đồng/tháng	160	4.67	6
	Từ 1-2 triệu đồng/tháng	330	9.62	5
	Từ 2-3 triệu đồng/tháng	580	16.91	2
	Từ 3-5 triệu đồng/tháng	1323	38.58	1
	Từ 5-10 triệu đồng/tháng	472	13.76	3
	Trên 10 triệu đồng/tháng	95	2.77	7

Qua bảng 1 cho thấy: Đặc điểm đối tượng khảo sát là tương đối đồng đều và đảm bảo tính đại diện mẫu. Cụ thể:

Về giới tính: Đối khảo sát phân bố tương đối cân đối về giới tính (gần 46.28% là nữ)

Về tình trạng hôn nhân: 24.61% số người độc thân (bao gồm chưa lập gia đình, ly hôn, góa...). Con số này tương đương với đặc điểm lứa tuổi với tổng số 26.71% số người 6-24 tuổi và 13.39% số người từ 65 tuổi trở lên.

Về lứa tuổi khảo sát: Độ tuổi của đối tượng khảo sát tương đối đồng đều, trừ lứa tuổi trên 65 với 13.39% (những người cao tuổi), các nhóm tuổi còn lại đảm bảo cân đối và dao động từ 19.60-26.71%. Đồng nhất là lứa tuổi từ 6-24 với 26.71% tổng số người khảo sát (có khoảng dao động tuổi lớn nhất và đối tượng có cùng tính chất – học sinh, sinh viên).

Về đặc điểm nghề nghiệp: Tương tự như độ tuổi, đặc điểm nghề nghiệp của đối tượng khảo sát phản ánh tương đối sát thực trạng phân bố nghề nghiệp ở khu vực khảo sát với nghề nông nghiệp chiếm đa số (31.50% tổng đối tượng khảo sát); tiếp đó là lao động tự do (chiếm 21.06%) và học sinh, sinh viên (chiếm 18.05%, ít hơn rất nhiều so với lứa tuổi học sinh, sinh viên với gần 26.71% tổng số lượng khảo sát).

Các nhóm khác chiếm tỷ lệ tương đối cân đối.

Về đặc điểm thu nhập bình quân/ tháng: Nhóm chiếm đa số là thu nhập từ 3-5 triệu đồng/tháng (chiếm 38.58% tổng số lượng khảo sát), đứng thứ hai là thu nhập 2-3 triệu đồng/tháng (chiếm 16.91% tổng số lượng khảo sát), tỷ lệ người có thu nhập bình quân 5-10 triệu đồng/tháng chiếm 13.76% và trên 10 triệu đồng/tháng chiếm 2.77%. Như vậy, so với thu nhập bình quân đầu người tại Việt Nam năm 2018 là 2.587USD/năm, tương đương 4.834 triệu đồng/tháng [2] thì thu nhập của người dân khu vực miền núi Việt Nam thuộc nhóm đối tượng khảo sát thuộc mức thấp.

2. Đặc điểm nhân khẩu học của đối tượng khảo sát

Đánh giá mức độ tập luyện TDTT theo tiêu chí:

Tập luyện TDTT thường xuyên: Tập từ 3 buổi/ tuần trở lên, mỗi buổi từ 30 phút, thời gian liên tục trong 6 tháng.

Thỉnh thoảng (Tập luyện TDTT không thường xuyên): Mỗi tuần trung bình tập ít nhất 1 buổi, mỗi buổi ít nhất 20 phút.

Không tập: Tập luyện ít hơn mức thỉnh thoảng

Kết quả khảo sát tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Kết quả khảo sát tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên của người dân khu vực miền núi Việt Nam (n=3429)

Tần suất tập luyện	Hà Giang		Sơn La		Nghệ An		Quảng Ngãi		Đắk Lắk		Tây Ninh		Bình Phước		Tổng	
	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%
Tập luyện thường xuyên	115	23.37	133	22.39	147	25.13	144	24.37	144	24.49	54	24.66	81	22.5	818	23.86
Thỉnh thoảng	174	35.37	244	41.08	196	33.5	237	40.1	231	39.29	77	35.16	140	38.89	1299	37.88
Không tập	203	41.26	216	36.36	242	41.37	210	35.53	213	36.22	88	40.18	139	38.61	1311	38.23
Tổng	492	100	594	100	585	100	591	100	588	100	219	100	360	100	3429	100

Qua bảng 2 cho thấy: Tỷ lệ tập luyện TDTT thường xuyên thu được của người dân miền núi trong nhóm đối tượng khảo sát đạt 23.86%. Nếu so sánh với tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên trên toàn quốc năm 2017 là 31.38% và năm 2018 là 32.35% (theo thống kê của Tổng cục TDTT) thì tỷ lệ tập luyện TDTT thường xuyên của người dân miền núi được khảo sát đạt được là rất thấp.

Bên cạnh số lượng tập luyện TDTT thường xuyên, còn tới 37.88% số người được phỏng vấn thỉnh thoảng có tham gia tập luyện TDTT và gần 40% tổng số người được hỏi không tập luyện.

Khi tiến hành so sánh tỷ lệ người dân dân tập luyện TDTT của mỗi tỉnh trong nhóm đối tượng khảo sát cho thấy không có sự chênh lệch quá lớn. Tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thấp nhất trong nhóm đối tượng khảo sát là tỉnh Sơn La với 22.39% người dân tập luyện TDTT thường

xuyên và cao nhất thu được ở Nghệ An với 25.13% số người dân tập luyện TDTT thường xuyên. Tỷ lệ người không tập luyện TDTT cao nhất ở Nghệ An với 41.37% và thấp nhất ở Đắk Lắk với 36.22%.

Từ kết quả thu được, tiến hành khảo sát chi tiết về đặc điểm nhân khẩu học của người dân tập luyện TDTT thường xuyên tại khu vực miền núi Việt Nam được trình bày tại bảng 3.

Bảng 3. Đặc điểm người dân tập luyện TDTT thường xuyên khu vực miền núi Việt Nam (n=818)

Đặc điểm	Hà Giang (n=115)		Sơn La (n=133)		Nghệ An (n=147)		Quảng Ngãi (n=144)		Đắk Lắk (n=144)		Tây Ninh (n=54)		Bình Phước (n=81)		Tổng (n=818)		
	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	Xếp hạng	
Giới tính	Nam	78	67.83	89	66.92	92	62.59	89	61.81	95	65.97	36	66.67	52	64.2	531	1
	Nữ	37	32.17	44	33.08	55	37.41	55	38.19	49	34.03	18	33.33	29	35.8	287	2
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	38	33.04	42	31.58	41	27.89	46	31.94	37	25.69	15	27.78	24	29.63	243	2
	Có gia đình	77	66.96	91	68.42	106	72.11	98	68.06	107	74.31	39	72.22	57	70.37	575	1
Lứa tuổi	6-22 tuổi	26	22.6	31	23.5	32	21.7	33	22.9	37	25.6	12	22.22	19	23.46	190	2
	23-34 tuổi	23	20.3	26	19.6	28	18.9	33	22.8	34	23.8	13	24.07	18	22.22	175	3
	35-54 tuổi	16	13.8	17	12.8	21	14.1	17	11.9	21	14.5	8	14.81	11	13.58	111	4
	55-64 tuổi	36	31.2	43	32.4	44	29.8	46	31.9	45	31.2	16	29.63	24	29.63	254	1
Nghề nghiệp	Từ 65 tuổi trở lên	14	12.1	16	11.7	23	15.5	15	10.5	7	4.9	5	9.26	9	11.11	88	5
	Học sinh, sinh viên	17	14.78	19	14.29	21	14.29	20	13.89	23	15.97	9	16.67	13	16.05	122	3
	Nông nghiệp	14	12.17	11	8.27	13	8.84	14	9.72	12	8.33	6	11.11	10	12.35	80	6
	Công nhân viên chức nhà nước	33	28.7	31	23.31	33	22.45	29	20.14	30	20.83	12	22.22	14	17.28	182	2
	Kinh doanh	18	15.65	19	14.29	17	11.56	18	12.5	16	11.11	7	12.96	12	14.81	107	4
	Lao động tự do	13	11.3	14	10.53	16	10.88	12	8.33	15	10.42	6	11.11	10	12.35	86	5
	Hưu trí, mất sức lao động	20	17.39	39	29.32	47	31.97	51	35.42	48	33.33	14	25.93	22	27.16	241	1
	Phụ thuộc (không có thu nhập)	13	11.3	15	11.28	12	8.16	13	9.03	12	8.33	6	11.11	8	9.88	79	4
	Dưới 1 triệu đồng/tháng	5	4.35	8	6.02	6	4.08	7	4.86	5	3.47	1	1.85	3	3.7	35	6
	Từ 1-2 triệu đồng/tháng	11	9.57	14	10.53	16	10.88	17	11.81	15	10.42	3	5.56	4	4.94	80	5
Thu nhập bình quân/tháng	Từ 2-3 triệu đồng/tháng	24	20.87	25	18.8	29	19.73	28	19.44	29	20.14	11	20.37	16	19.75	162	3
	Từ 3-5 triệu đồng/tháng	22	19.13	23	17.29	29	19.73	29	20.14	33	22.92	12	22.22	20	24.69	168	2
	Từ 5-10 triệu đồng/tháng	36	31.3	41	30.83	43	29.25	47	32.64	45	31.25	20	37.04	29	35.8	261	1
Từ 10 triệu đồng/tháng	4	3.48	7	5.26	12	8.16	3	2.08	5	3.47	1	1.85	1	1.23	33	7	

Qua bảng 3 cho thấy:

Về giới tính: Nếu như đối tượng khảo sát tương đối đồng đều về giới tính thì thực trạng phân bố giới tính của người dân tập luyện TDTT thường xuyên tại khu vực miền núi Việt Nam lại có tỷ lệ nam đạt 64.20%. Như vậy, có thể khẳng định, ở khu vực này, nam giới tập luyện TDTT thường xuyên hơn và nhiều hơn so với nữ giới.

Về tình trạng hôn nhân: Nếu như đặc điểm khảo sát có xấp xỉ 75% đối tượng có gia đình thì đối tượng tập luyện TDTT thường xuyên có 70.37% tổng tỷ lệ có gia đình. Như vậy, ở khu vực miền núi Việt Nam, tỷ lệ người có gia đình và độc thân tập luyện TDTT gần tương đương nhau.

Về lứa tuổi: Tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên ở khu vực này cao nhất là lứa tuổi 55-64 tuổi, sau đó tới 6-24 tuổi và 25-34 tuổi. Ít nhất là tỷ lệ người trên 65 tuổi (chiếm 11.11% số người tập thường xuyên), tỷ lệ này tương đương nếu so sánh với đặc điểm đối tượng khảo sát với 13.39% số người trên 65 tuổi.

Về nghề nghiệp: Đối tượng tập luyện TDTT nhiều nhất là người hưu trí, mất sức lao động, sau đó tới công nhân viên chức nhà nước, tiếp đến là người kinh doanh. Đây là nhóm có tỷ lệ

ít trong số đối tượng khảo sát. Nếu như tỷ lệ khảo sát đông nhất là nông nghiệp thì tỷ lệ tập luyện TDTT thường xuyên thuộc ngành nghề nông nghiệp chỉ chiếm 12.35%. Như vậy có thể thấy nhóm đối tượng nghề nông nghiệp này có tỷ lệ tham gia tập luyện TDTT thường xuyên thấp nhất.

Về thu nhập bình quân/ tháng: Xu hướng chung là những người có thu nhập cao hơn tập luyện TDTT thường xuyên hơn. Có tới 35.80% số người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên có thu nhập từ 5-10 triệu đồng/ tháng (phần lớn rơi vào đối tượng công nhân viên chức nhà nước, kinh doanh...). Những người có thu nhập bình quân dưới 2 triệu đồng có tỷ lệ tham gia tập luyện TDTT thường xuyên thấp.

3. So sánh đặc điểm nhân khẩu học của người dân tập luyện TDTT thường xuyên khu vực miền núi trong các miền tại Việt Nam

3.1. So sánh tỷ lệ người dân tập luyện TDTT quần chúng khu vực miền núi Việt Nam theo từng miền

Thông kê tỷ lệ người dân tập luyện TDTT quần chúng khu vực miền núi theo từng miền được trình bày tại bảng 4.

Bảng 4. Tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên khu vực miền núi theo từng miền

Phân loại	Miền Bắc (1) (n=1086)		Miền Trung (2) (n=1764)		Miền Nam (3) (n=579)		So sánh		
	m _i	%	m _i	%	m _i	%	χ^2_{1-2}	χ^2_{1-3}	χ^2_{2-3}
Tập luyện thường xuyên	248	22.84	435	24.66	135	23.32	1.20*	0.59*	0.18*
Thỉnh thoảng	418	38.49	664	37.64	217	37.48			
Không tập	419	38.58	665	37.7	227	39.21			

(* tương đương P>0.05)

Qua bảng 4 cho thấy: Tỷ lệ người dân tập luyện TDTT của khu vực miền Bắc, miền Trung và miền Nam có sự khác nhau về số liệu thống kê nhưng khi so sánh sự khác biệt tỷ lệ bằng thống số χ^2 chưa thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất P>0.05. Như vậy, có thể kết luận tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên khu vực miền núi giữa các miền Việt Nam là tương đương nhau.

3.2. So sánh đặc điểm người dân tập luyện TDTT thường xuyên tại khu vực miền núi theo từng miền

Kết quả thống kê đặc điểm nhân khẩu học của người dân tham gia tập luyện TDTT thường xuyên khu vực miền núi theo từng miền được trình bày tại bảng 5.

Qua bảng 5 cho thấy:

Về giới tính: Nếu như đối tượng khảo sát

Bảng 5. Đặc điểm người dân tập luyện TDTT thường xuyên khu vực miền núi theo từng vùng miền

Đặc điểm	Phân loại	Miền Bắc (1) (n=248)		Miền Trung (2) (n=435)		Miền Nam (3) (n=135)		So sánh		
		m _i	%	m _i	%	m _i	%	χ ² ₁₋₂	χ ² ₁₋₃	χ ² ₂₋₃
Giới tính	Nam	167	67.34	276	63.45	88	65.19	1.05*	0.18*	0.14*
	Nữ	81	32.66	159	36.55	47	34.81			
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	80	32.26	124	28.51	39	28.89	1.06*	0.46*	0.11*
	Có gia đình	168	67.74	311	71.49	96	71.11			
Lứa tuổi	6-24 tuổi	49	19.76	102	23.45	31	22.96	1.55*	0.83*	0.15*
	25-34 tuổi	57	22.98	95	21.84	31	22.96			
	35-54 tuổi	33	13.31	59	13.56	19	14.07			
	55-64 tuổi	79	31.85	135	31.03	40	29.63			
	Từ 65 tuổi trở lên	30	12.1	45	10.34	14	10.37			
Nghề nghiệp	Học sinh, sinh viên	36	14.52	64	14.71	22	16.3	6.77*	1.73*	2.72*
	Nông nghiệp	25	10.08	39	8.97	16	11.85			
	Công nhân viên chức nhà nước	64	25.81	92	21.15	26	19.26			
	Kinh doanh	37	14.92	51	11.72	19	14.07			
	Lao động tự do	27	10.89	43	9.89	16	11.85			
	Hưu trí, mất sức lao động	59	23.79	146	33.56	36	26.67			
Thu nhập bình quân/tháng	Phụ thuộc (không có thu nhập)	28	11.29	37	8.51	14	10.37	1.23*	5.45*	5.75*
	Dưới 1 triệu đồng/tháng	13	5.24	18	4.14	4	2.96			
	Từ 1-2 triệu đồng/tháng	25	10.08	48	11.03	7	5.19			
	Từ 2-3 triệu đồng/tháng	49	19.76	86	19.77	27	20			
	Từ 3-5 triệu đồng/tháng	45	18.15	91	20.92	32	23.7			
	Từ 5-10 triệu đồng/tháng	77	31.05	135	31.03	49	36.3			
	Trên 10 triệu đồng/tháng	11	4.44	20	4.6	2	1.48			

(* tương đương P>0.05)

tương đối đồng đều về giới tính thì thực trạng phân bố giới tính của người dân tập luyện TDTT thường xuyên tại khu vực miền núi theo từng vùng miền có xu hướng chung là tỷ lệ nam tới gần cao hơn hẳn nữ và tỷ lệ nam tập luyện TDTT phổ biến là nhiều gấp đôi nữ. Mặc dù tỷ lệ giới tính tập luyện TDTT thường xuyên có chênh lệch theo vùng miền nhưng khi so sánh sự khác biệt cho thấy không có ý nghĩa (P>0.05) ở tất cả các miền. Như vậy, có thể khẳng định, ở khu vực miền núi, nam giới tập luyện TDTT thường xuyên hơn và nhiều hơn so với nữ giới.

Về tình trạng hôn nhân: Nếu như đặc điểm khảo sát có xấp xỉ 75% đối tượng có gia đình thì đối tượng tập luyện TDTT thường xuyên gần 70% tổng tỷ lệ có gia đình. Sự khác biệt về tình

trạng hôn nhân của nhóm đối tượng tập luyện TDTT thường xuyên của các miền không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (P>0.05). Như vậy, có thể thấy, xu hướng là tỷ lệ những người độc thân tham gia tập luyện TDTT thường xuyên cao hơn so với những người có gia đình.

Về lứa tuổi: Tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên ở khu vực này cao nhất là lứa tuổi 55-64 tuổi (chiếm từ 29.63-31.85% tổng số người tập luyện TDTT thường xuyên), sau đó tới 25-34 tuổi (với tổng số 22.96-23.45% tổng số người dân tập luyện TDTT thường xuyên) và 6-24 tuổi (với tổng số 19.76-21.84% tổng số người dân tập luyện TDTT thường xuyên). Ít nhất là tỷ lệ người trên 65 tuổi (chiếm 10.34-12.10% số người tập thường xuyên), tuy nhiên,

nếu so sánh với đặc điểm đối tượng khảo sát với 13.81% số người trên 65 tuổi thì đối tượng này lại có tỷ lệ tập luyện TDTT thường xuyên cao nhất. Kết quả so sánh tỷ lệ người dân tập luyện TDTT theo từng miền không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P>0.05$).

Về nghề nghiệp: Đối tượng tập luyện TDTT nhiều nhất là người hưu trí, mất sức lao động (chiếm 23.79-33.56% tổng số người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên), sau đó tới công nhân viên chức nhà nước (chiếm 19.26-25.81% tổng số người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên), tiếp đến là học sinh, sinh viên (chiếm 14.52-16.30% tổng số người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên). Đây là nhóm có tỷ lệ ít trong số đối tượng khảo sát. Nếu như tỷ lệ khảo sát đông nhất là nông nghiệp với 34.07% tổng đối tượng khảo sát thì tỷ lệ tập luyện TDTT thường xuyên thuộc ngành nghề nông nghiệp chỉ chiếm từ 10.08-11.85% tổng số người tập luyện TDTT thường xuyên. Như vậy có thể thấy nhóm đối tượng nghề nông nghiệp này có tỷ lệ tham gia tập luyện TDTT thường xuyên thấp nhất. Đặc biệt, với chỉ 10.29% tổng số người phỏng vấn thuộc đối tượng kinh doanh nhưng có tới 11.72-14.92% số lượng người tập luyện TDTT thường xuyên thuộc nhóm đối tượng này. So sánh kết quả khảo sát thành phần nghề nghiệp của đối tượng phỏng vấn không thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các miền ($P>0.05$).

Về thu nhập bình quân/ tháng: Xu hướng chung là những người có thu nhập cao hơn tập luyện TDTT thường xuyên hơn. Có tới 31.05-36.30% số người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên có thu nhập từ 5-10 triệu đồng/tháng (phần lớn rơi vào đối tượng công nhân viên chức nhà nước, kinh doanh...). Những người có thu nhập bình quân dưới 2 triệu đồng có tỷ lệ tham gia tập luyện TDTT thường xuyên thấp. Kết quả này tương đồng với kết quả so sánh về tỷ lệ nghề nghiệp của nhóm đối tượng tập luyện TDTT thường xuyên tại các khu vực. Khi so sánh sự khác biệt về thu nhập của người tập luyện TDTT thường xuyên giữa các miền Bắc, Trung, Nam không thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P>0.05$).

KẾT LUẬN

1. Đặc điểm đối tượng khảo sát người dân tập luyện TDTT thường xuyên là tương đối đồng đều giữa các nhóm đối tượng và đảm bảo tính chất mẫu.

2. Tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên khu vực miền núi Việt Nam thấp hơn nhiều so với tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên của Việt Nam theo thống kê của Vụ Thể thao quần chúng.

3. Người dân tập luyện TDTT thường xuyên ở khu vực miền núi Việt Nam có tỷ lệ nam nhiều hơn nữ; nhiều nhất là lứa tuổi 55-64 tuổi, sau đó tới 6-24 tuổi và 25-34 tuổi; Đối tượng tập luyện TDTT nhiều nhất là người hưu trí, mất sức, sau đó tới công nhân viên chức nhà nước, tiếp đến là người kinh doanh; Xu hướng chung là những người có thu nhập cao hơn tập luyện TDTT thường xuyên hơn.

4. Kết quả so sánh đặc điểm đối tượng người dân tập luyện TDTT thường xuyên tại miền Bắc, Trung, Nam mặc dù các số liệu thống kê tuyệt đối có chênh lệch giữa các vùng miền nhưng khi tiến hành so sánh sự khác biệt bằng thuật toán cho thấy đặc điểm đối tượng người dân tập luyện TDTT thường xuyên tại miền Bắc, Trung, Nam không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P>0.05$) ở tất cả các nội dung thống kê.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <http://www.tdtt.gov.vn/tabid/57/ArticleID/24574/Default.aspx?returnUrl=http://www.tdtt.gov.vn/tabid/36/Default.aspx>.

2. <http://vneconomy.vn/thu-nhap-binh-quan-dau-nguoi-nam-2018-dat-2587-usd-2018122715235412.htm>.

**(Bài nộp ngày 25/10/2021, phản biện ngày 28/10/2021, duyệt in ngày 22/11/2021
Chịu trách nhiệm chính: Đỗ Hữu Trường
Email: truongbs71@gmail.com)**

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

3. NGUYỄN VĂN PHÚC

Phát biểu đề dẫn hội thảo khoa học “Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp TDTT – Giá trị lý luận và thực tiễn trong phát triển TDTT hiện nay”

Nguyen Van Phuc

Scientific conference title “President Ho Chi Minh with the sports career - theoretical and practical values in the development of physical training and sports today”

5. TRƯƠNG QUỐC UYÊN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về thể thao thành tích cao

Truong Quoc Uyen

Ho Chi Minh's thoughts on high-achievement sports

8. VŨ THỊ KIM YẾN

Chủ tịch Hồ Chí Minh - tấm gương sáng về giữ gìn và rèn luyện sức khỏe

Vu Thi Kim Yen

President Ho Chi Minh - a shining example of health maintenance and exercise

12. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để phát triển phong trào rèn luyện Thể dục thể thao toàn dân trong giai đoạn hiện nay

Nguyen Thi Thanh Huyen

Applying Ho Chi Minh's thoughts in developing the movement of physical training and sports in the community in the current period

17. NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Quan điểm Hồ Chí Minh về vai trò của thể dục thể thao và ý nghĩa trong giai đoạn cách mạng hiện nay

Nguyen Thi Kim Dung

Ho Chi Minh's opinions about the role of sport and its meaning in the current revolutionary period

21. NGUYỄN VĂN PHÚC; NGUYỄN TIẾN SƠN

Công tác bồi dưỡng cán bộ Thể dục thể thao của Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh

Nguyen Van Phuc; Nguyen Tien Son

Enhancing staffs in physical training and sports at the Bac Ninh Sports University today - following Ho Chi Minh's thoughts

27. VŨ HOÀNG SƠN; NGUYỄN VĂN HÙNG

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến với nhiệm vụ giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh niên hiện nay

Vu Hoang Son; Nguyen Van Hung

The call to national resistance and the task of educating and fostering revolutionary ideals for today's youth

29. TRẦN MINH TRƯỜNG

Khỏe để xây dựng và bảo vệ tổ quốc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Tran Minh Truong

Be healthy and strong to develop and defend the country according to Ho Chi Minh's thought

32. NGUYỄN VĂN TUẤN

Phát triển đội ngũ giảng viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh trong giai đoạn hiện nay

Nguyen Van Tuan

Developing the lecturers force at the Bac Ninh Sports University in the current period

QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO VÀ THỂ DỤC THỂ THAO QUẦN CHÚNG

36. BUI TRỌNG PHƯƠNG

Lựa chọn giải pháp trọng tâm và phần việc cụ thể nhằm đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ở Khoa Quân sự, Võ thuật, Thể dục thể thao – Học viện An ninh nhân dân

Bui Trong Phuong

Selecting key solutions and specific tasks to promote learning and following Ho Chi Minh's ideology, morality and style at the Faculty of Military, Martial Arts, Physical Education and Sports - People's Security Academy

41. ĐẶNG VĂN DŨNG

Thực trạng hướng dẫn, hỗ trợ người khuyết tật tham gia thể dục thể thao thích ứng ở các Trung tâm Văn hóa đô thị

Dang Van Dung

Actual situation of guiding and supporting people with disabilities (PWDs) to participate in adaptive sports and physical training in urban cultural centers

44. ĐỖ HỮU TRƯỜNG; PHAN ĐỨC THẮNG

So sánh đặc điểm nhân khẩu học của người dân tập luyện Thể dục thể thao thường xuyên khu vực miền núi thuộc các miền tại Việt Nam

Do Huu Truong; Phan Duc Thang

Compare the demographic characteristics of people practicing sports regularly in mountainous areas in different regions of Vietnam

51. ĐẶNG VĂN KHAI

Giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy các học phần môn học Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Công đoàn

Dang Van Khai

Solutions for innovative teaching methodology in Physical Education subjects for students of Trade Union University

57. TRẦN VĂN KHÔI; NGÔ DUY ĐÔNG

Giải pháp phát triển phong trào tập luyện thể dục thể thao cho nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

Tran Van Khoi; Ngo Duy Dong

Solutions to develop the movement of physical training and sports for residents in Dong Anh district, Hanoi city

61. BUI THỊ LIỄU

Lựa chọn biện pháp thay đổi phương pháp dạy và học môn GDTC tại Học viện Ngân hàng
Bui Thi Lieu

Choosing measures to alternate the method of teaching and learning Physical Education subject at Banking Academy

65. NGUYỄN THỊ DIỆP LY

Thực trạng phong trào tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên không chuyên giáo dục thể chất Trường Đại học Hồng Đức

Nguyen Thi Diep Ly

The current situation of extracurricular sports movement of non-PE specialized students at Hong Duc University

70. NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG

Giải pháp phát triển phong trào thể dục thể thao ngoại khóa cho sinh viên không chuyên ngành thể dục thể thao, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Nguyen Duc Truong

Solutions extracurricular sports movement of non-PE specialized students at Thai Nguyen University of Education

75. MAI THỊ BÍCH NGỌC; TRẦN TRUNG KHÁNH; DƯƠNG VĂN PHƯƠNG

Nhận thức, đánh giá của người dân khu vực miền núi về hoạt động thể dục thể thao Quần chúng

Mai Thi Bích Ngọc; Tran Trung Khanh; Duong Van Phuong

Awareness and assessment of people living in mountainous areas about public sports activities

80. CHU XUÂN TIẾN

Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa cho sinh viên Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên

Chu Xuan Tien

Choosing solutions to improve the efficiency of extracurricular sports activities for students at the University of Information and Communication Technology - Thai Nguyen University

88. PHÙNG XUÂN DŨNG; LÊ THỊ THU THÚY

Xây dựng biện pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội

Phung Xuan Dung; Le Thi Thu Thuy

Effectiveness of measures in improving the quality of student management activity at Hanoi University of Physical Education and Sports

92. NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG

Giải pháp lựa chọn việc làm thêm cho sinh viên Trường Đại học sư phạm – Đại học thái nguyên theo định hướng nghề nghiệp

Nguyen Duc Truong

Solutions for choosing part-time jobs for students at the Thai Nguyen University of Education according to career orientation

96. NGUYỄN THU HƯỜNG

Biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý công tác đào tạo sau đại học tại Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Nguyen Thu Huong

Measures to improve the efficiency of postgraduate training management at Bac Ninh Sports University

100. NGUYỄN HỒNG ĐĂNG

Thực trạng thể dục thể thao quần chúng gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2012-2017

Nguyen Hong Dang

The current situation of public physical training and sports associated with the movement of developing Nong Thon Moi in Bac Giang province in the period 2012-2017

106. LÝ ĐỨC TRƯỜNG

Thực trạng phong trào tập luyện Boxing trên địa bàn Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ly Duc Truong

Actual situation of boxing training movement in Bac Ninh city, Bac Ninh province

110. NGUYỄN XUÂN HOẠT; ĐOÀN LÊ XUÂN HẠNH; PHAN THÁI ANH

Thử nghiệm đánh giá nhận thức và chất lượng cuộc sống liên quan đến sức khỏe của nhóm người cao tuổi tập luyện Cầu lông thường xuyên lứa tuổi 60-69 tại Từ Sơn

Nguyen Xuan Hoat; Doan Le Xuan Hanh; Phan Thai Anh

Experiment to assess health-related awareness and life quality of elderly people who regularly practice badminton aged 60-69 in Tu Son

115. NGÔ SÁCH THỌ

Đặc điểm phát triển thể chất của học sinh dân tộc thiểu số lứa tuổi 11 -14 khu vực Trung du miền núi phía Bắc Việt Nam, thời điểm tháng 10/2018

Ngo Sach Tho

Physical development characteristics of ethnic minority students aged 11-14 in the Northern midland and mountainous regions of Vietnam in October 2018

121. PHAN BỬU TÚ

Thực trạng sử dụng hệ thống quản lý học tập LMS trong dạy học môn giáo dục thể chất tại Trường Đại học Đà Lạt

Phan Buu Tu

Actual situation of deploying LMS learning management system in teaching Physical Education at Da Lat University

128. NGUYỄN HOÀNG MINH THUẬN; NGUYỄN ANH TRÍ; NGUYỄN THỊ KIM PHƯƠNG

Thực trạng nhu cầu và sự hài lòng của người tham gia tại giải Marathon quốc tế Đà Lạt Ultra Trail

Nguyen Hoang Minh Thuan; Nguyen Anh Tri; Nguyen Thi Kim Phuong

Current status of requirements and satisfaction of participants at the Da Lat Ultra Trail International Marathon Race

135. LÊ XUÂN ĐIỆP; DƯƠNG VĂN VĨ

Tác động sau 12 tuần tập luyện thái cực quyền đến lượng vận động, hiệu quả phòng ngừa té ngã của người cao tuổi từ 60-69 tuổi phía bắc Việt Nam

Le Xuan Diep; Duong Van Vi

Impact of practicing Tai chi on physical activity and fall prevention effectiveness after 12 weeks of the elderly aged 60-69 in the Northern of Vietnam

144. NGUYỄN HỮU HÙNG

Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cử nhân chuyên ngành thể dục Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Nguyen Huu Hung

Solutions to improve the training quality of bachelor's degree - holding human resources in Physical Education at the Bac Ninh Sports University

GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỂ THAO TRƯỜNG HỌC

151. PHẠM ĐỨC VIỄN; VŨ CHUNG THUY

Thực trạng hiệu quả nội dung chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Tây Bắc

Pham Duc Vien; Vu Chung Thuy

Actual situation of content effectiveness in Physical Education Bachelor's training program at Tay Bac University

156. NGUYỄN KHÁNH DUY; HÀ VĂN TOÁN; NGUYỄN THIỆN QUANG

Lựa chọn bài tập phát triển sức nhanh di chuyển cho nam sinh viên chuyên sâu Quần vợt năm nhất Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyen Khanh Duy; Ha Van Toan; Nguyen Thien Quang

Selecting exercises to develop strength for tennis-specialized male freshmen at the University of Sport Ho Chi Minh City

162. TRẦN THỊ HỒNG VIỆT; TRẦN HUYỀN TRANG

Lựa chọn nhóm phương pháp dạy học môn Bóng bàn cho sinh viên phổ tu Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Tran Thi Hong Viet; Tran Huyen Trang

Choosing a group of table tennis teaching methods for students at Bac Ninh Sports University

166. ĐẶNG VĂN KHAI

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác Giáo dục thể chất của sinh viên Trường Đại học Công đoàn

Dang Van Khai

The factors affecting the Physical Education organization work for students at Trade Union University

171. PHAN VĂN THẨM

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá thể lực chuyên môn bóng chuyền cho sinh viên nam Trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Vinh

Phan Van Tham

Developing fitness-assessment standards in volleyball subject for male students at Vinh University of Technology and Education

174. TRƯƠNG THỊ HỒNG TUYẾN

Lựa chọn bài tập nâng cao thành tích nhảy xa kiểu ngò cho nữ sinh K68 khối không chuyên giáo dục thể chất Trường Đại học sư phạm Hà Nội

Truong Thi Hong Tuyen

Selecting exercises to stride long jumping technique performance for K68 non-PE specialized female students, at Hanoi National University of Education

180. TRẦN THANH HOÀI

Thực trạng kết quả học tập và những sai lầm thường mắc trong học tập nội dung nhảy xa ưỡn thân của sinh viên Trường Đại học Điện lực

Tran Thanh Hoai

The learning results and regular mistakes while learning hang style in long jump of students at Electric Power University

183. TRẦN THUY

Thực trạng thể chất của học sinh lớp 6 trên địa bàn Thành phố Đồng Hới – Quảng Bình

Tran Thuy

Fitness status of grade-6 students in Dong Hoi city - Quang Binh

188. TRẦN VĂN TRƯỜNG; NGUYỄN NGỌC TUẤN; ĐÀM CÔNG TÙNG; NGUYỄN VĂN DŨNG

Thực trạng mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội về năng lực nghề nghiệp của cử nhân Thể dục thể thao Chuyên ngành Cờ Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Tran Van Truong; Nguyen Ngoc Tuan; Dam Cong Tung; Nguyen Van Dung

The status of social-requirement-satisfied level in terms of professional competence of PE Bachelor owner specializing in Board game at Bac Ninh Sports University

194. NGUYỄN VĂN TOÀN; CAO TRƯỜNG GIANG; LÊ TRỌNG ĐỘNG

Thực trạng công tác Giáo dục thể chất tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam trong tình hình dịch bệnh Covid-19

Nguyen Van Toan; Cao Truong Giang; Le Trong Dong

Actual situation of Physical Education organization works at Vietnam National University of Agriculture during Covid-19 pandemic

201. NGUYỄN XUÂN HƯƠNG

Lựa chọn bài tập khắc phục những sai lầm thường mắc trong thực hiện kỹ thuật đánh bóng cho sinh viên Golf năm thứ nhất Ngành Huấn luyện thể thao Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Nguyen Xuan Huong

Selecting exercises to overcome common mistakes in golf ball-hitting technique for first-year Golf-majoring students studying in the Sports Training Department of Bac Ninh Sports University

206. TRẦN XUÂN GIANG

Lựa chọn biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các câu lạc bộ thể dục thể thao sinh viên Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên

Tran Xuan Giang

Choosing measures to improve the operating quality of student's sports clubs at the University of Information and Communication Technology - Thai Nguyen University

212. NGUYỄN THẾ HÃNH; ĐẶNG ĐỨC HOÀN; ĐỖ THÀNH TRUNG

Nghiên cứu tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập môn Cờ vua cho sinh viên Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Nguyen The Hanh; Dang Duc Hoan; Do Thanh Trung

Research on standards for assessing learning outcomes in chess subject for students at Vietnam National University of Agriculture

217. NGUYỄN VĂN PHÚC; NGUYỄN VĂN CƯƠNG

Thực trạng công tác phát triển thể lực cho học viên sĩ quan chỉ huy tham mưu lục quân cấp phân đội chuyên ngành trinh sát đặc nhiệm, Trường Sĩ quan Lục quân 1

Nguyen Van Phuc; Nguyen Van Cuong

Actual situation of fitness development for Military-dividing-level Army staff commanding officers majoring in Special Police at Army Officer School 1

223. PHẠM ANH TUẤN; NGUYỄN VĂN HẠNH; PHẠM PHI ĐIỆP

Biện pháp phát triển thể lực chung cho sinh viên hệ cao đẳng, Trường Đại học Giao thông vận tải

Nguyen Anh Tuan; Nguyen Van Hanh; Pham Phi Diep

Research on measures for developing general fitness for college students at University of Transport and Communication

227. NGUYỄN NGỌC KHÔI; PHẠM HẢI YẾN

Lựa chọn phương pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy kỹ thuật cho sinh viên chuyên ngành Karate Ngành Huấn luyện thể thao Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Nguyen Ngoc Khoi; Pham Hai Yen

Choosing methods to improve the effectiveness in teaching techniques for students majoring in Karate in the Sports Training Department at Bac Ninh Sports University

231. NGUYỄN VĂN THẠCH

Hiệu quả ứng dụng bài tập giảng dạy kỹ thuật tay cho sinh viên chuyên ngành Cầu lông Ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Nguyen Van Thach

Exercise-applied effectiveness in teaching handy techniques for students majoring in Badminton in the Department of Physical Education at Bac Ninh Sports University

236. TRẦN VĂN TÙNG

Đặc điểm phát triển thể chất của sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tran Van Tung

Physical development characteristics of students at Hanoi Metropolitan University

241. TẠ HỮU HIẾU; PHẠM BÁ DŨNG; NGUYỄN VĂN TỈNH; NGUYỄN THỊ THU HÀ; NGUYỄN VĂN HƯNG

Biện pháp khắc phục các sai lầm thường mắc trong hoạt động giải bài tập toán cho học sinh Trường Phổ thông năng khiếu Thể dục thể thao Olympic

Ta Huu Hieu; Pham Ba Dung; Nguyen Van Tinh; Nguyen Thi Thu Ha; Nguyen Van Hung

Measures to overcome students' regular mistakes in solving Math problems at the Olympic Gifted High School of Sports

246. NGUYỄN SONG TUẤN HẢI

Đề xuất biện pháp nâng cao hứng thú tập luyện cho võ sinh câu lạc bộ Vovinam Trường Trung học cơ sở Huỳnh Thúc Kháng - Quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng

Nguyen Song Tuan Hai

Proposing measures to improve the student's interest in practicing in Vovinam in the Vovinam clubs at Huynh Thuc Khang Secondary School - Thanh Khe District - Da Nang City

251. VÕ XUÂN THỦY; LÊ QUANG HUY

Thực trạng và nguyên nhân ảnh hưởng đến năng lực dạy học thực hành môn Giáo dục thể chất của sinh viên Khoa Thể dục Thể thao, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Vo Xuan Thuy; Le Quang Huy

Situation and causes affecting the proficiency in practical teaching in Physical Education subject of students at the Faculty of Physical Education and Sports, Thai Nguyen University of Education

257. TRẦN MINH TUẤN; TRẦN NGỌC CƯƠNG

Xây dựng chương trình môn Bóng rổ theo mô hình câu lạc bộ trong đào tạo tín chỉ tại Trường Đại học Sài Gòn

Tran Minh Tuan; Tran Ngoc Cuong

Developing the basketball program according to the club model under credit course system at Saigon University

263. PHẠM ANH TUẤN; ĐOÀN THANH NAM; NGUYỄN VĂN TRUNG

Nghiên cứu bài tập phát triển thể lực cho học viên năm thứ nhất, Học viện An ninh nhân dân

Pham Anh Tuan; Doan Thanh Nam; Nguyen Van Trung

Research on physical development exercises for first-year students at the People's Security Academy

267. TRẦN VĂN HƯNG

Lựa chọn bài tập nâng cao thể lực cho nam học viên Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy

Tran Van Hung

Selecting exercises to improve fitness for male students at the University of Fire Prevention and Fighting

271. NGUYỄN XUÂN TRỌNG

Lựa chọn bài tập phát triển sức mạnh tốc độ cho nam sinh viên Bóng bàn Khoa Giáo dục thể chất Trường Đại học Hồng Đức

Nguyen Xuan Trong

Choosing exercises to develop speed strength for male students studying table tennis in the Department of Physical Education, Hong Duc University

276. HOÀNG HẢI; PHẠM ĐỨC THẠNH; PHẠM VIỆT ĐỨC; NGÔ DUY TOÀN

Thực trạng hoạt động ngoại khóa môn bơi mang bao gói trang bị của học viên năm thứ nhất Trường Đại học Chính trị

Hoang Hai; Pham Duc Thanh; Pham Viet Duc; Ngo Duy Toan

Situation of extracurricular activities in swimming with equipment packs of first-year students of the Political University

281. LÊ VƯƠNG ANH

Ứng dụng giải pháp nâng cao chất lượng dạy học môn bóng bàn cho sinh viên Ngành Huấn luyện thể thao – Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Le Vuong Anh

Applying solutions to improve the quality in teaching table tennis for students majoring in Sports coaching at the Bac Ninh Sports University

287. NGUYỄN VĂN TUYẾN

Kết quả thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục thể chất tại Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy

Nguyen Van Tuyen

Evaluate the effectiveness of solutions used to improve Physical Education work at the University of Fire Prevention and Fighting

293. NGUYỄN DUY HÙNG

Xây dựng tiêu chuẩn kiểm tra - đánh giá trình độ tập luyện học phần Bóng đá cho sinh viên Ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Hồng Đức

Nguyen Duy Hung

Developing test standards in order to assess the training level in the Football module of students majoring in Physical Education at the Hong Duc University

296. DƯƠNG THÁI BÌNH

Lựa chọn bài tập phát triển thể lực cho nam sinh viên năm thứ nhất không chuyên Giáo dục thể chất, Trường Đại học Hồng Đức

Duong Thai Binh

Selecting exercises to develop fitness for first-year male students who are non-specialized in Physical Education at the Hong Duc University

301. TRẦN PHÚC BA; ĐINH QUANG KIỀU

Thực trạng chương trình đào tạo trình độ đại học Ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ dưới góc nhìn đa chiều

Tran Phuc Ba; Dinh Quang Kieu

The current status of the university-level training program in Physical Education at Hung Vuong University, Phu Tho province under a multi-dimensional perspective

306. HOÀNG DUY TƯỜNG; NGUYỄN THỊ BÌNH

Thực trạng nội dung, hình thức, động cơ và nhu cầu tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên chuyên ngành Điều trị đa khoa năm thứ 2 Trường Đại học Y dược - Đại học Thái Nguyên

Hoang Duy Tuong; Nguyen Thi Binh

Current status of content, style, motivation and demand for extra-curricular sports training for second-year students learning in General Practitioner at the Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy

312. LÊ THỊ THANH THỦY; NGUYỄN TRỌNG BÓN; LƯU XUÂN THÁI

Thực trạng hoạt động đào tạo cử nhân Thể dục thể thao chuyên ngành Bóng ném - Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Le Thi Thanh Thuy; Nguyen Trong Bon; Luu Xuan Thai

Current status of Bachelor's degree in Sports training program in Handball major at the Bac Ninh Sports University

318. NGUYỄN HOÀNG ĐIỆP; ĐẶNG PHƯƠNG THẢO

Ứng dụng bài tập phát triển sức mạnh nâng cao thành tích chạy 100m cho nam sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Hùng Vương, tỉnh Phú Thọ

Nguyen Hoang Diep; Dang Phuong Thao

Applying strength development exercises to improve 100m running performance for non-specialized Physical Education students at the Hung Vuong University, Phu Tho province

322. NGUYỄN MỸ VIỆT

Thực trạng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Cầu lông của học sinh trung học phổ thông thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

Nguyen My Viet

Situation of extra-curricular badminton training activities of high school students in Tuyen Quang city, Tuyen Quang province

327. HOÀNG CÔNG MINH

Lựa chọn bài tập nâng cao hiệu quả chiến thuật tấn công phá phòng thủ 1 kèm 1 trong thi đấu Bóng rổ cho nam sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Hoang Cong Minh

Selecting exercises to improve the effectiveness of 1-on-1 defensive counterattack tactics in the Basketball competition for male students at Vinh University of Technology and Education

331. TRẦN THỊ GÁI; NGUYỄN VIỆT HỒNG

Lựa chọn bài tập phát triển thể lực chung cho nữ sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Yersin Đà Lạt

Tran Thi Gai; Nguyen Viet Hong

Choosing exercises to develop general fitness for first-year female students at Yersin University

336. VŨ THỊ HỒNG ĐỊNH; TẠ HỮU HIẾU

Thực trạng tính tự giác, tích cực trong giờ học Giáo dục thể chất của sinh viên Khoa Du lịch Trường Đại học Hạ Long

Vu Thi Hong Dinh; Ta Huu Hieu

Actual situation of self-discipline and activeness in Physical Education class of students at Faculty of Tourism, Ha Long University

341. CAO TRƯỜNG GIANG; NGUYỄN VĂN TOÀN; NGUYỄN ANH TUẤN

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập môn học Bóng đá cho sinh viên Học viện Nông nghiệp Việt Nam

MỤC LỤC

Cao Truong Giang; Nguyen Van Toan; Nguyen Anh Tuan

Developing standards for assessing the learning outcomes of the Football subject for students at the Vietnam National University of Agriculture

345. NGUYỄN VĂN PHÚC; ĐÀM VĂN GIANG

Thực trạng trình độ thể lực của học viên năm thứ nhất Trường Sĩ quan lục quân 1

Nguyen Van Phuc; Dam Van Giang

Current status of physical strength of first-year learners at the Army Officer School 1

349. LƯƠNG CAO ĐẠI; NGÔ HỒNG VIỆT

Ứng dụng phần mềm Kinovea đánh giá hiệu quả kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà trong giảng dạy sinh viên chuyên sâu Bóng chuyền K40 huấn luyện thể thao Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh

Luong Cao Dai; Ngo Hong Viet

Application of Kinovea software to evaluate the effectiveness of teaching ball hitting technique associated with direction of momentum for k40 volleyball-specialized students in the Department of Sports training, Ho Chi Minh City University of Sports

355. VÕ XUÂN THUY

Thực trạng thiết kế và sử dụng kế hoạch bài dạy môn Giáo dục thể chất lớp 6 theo định hướng phát triển năng lực học sinh tại Trường Nội trú IVS

Vo Xuan Thuy

The current situation of designing and using lesson plans for grade-6 Physical Education subject according to the orientation of student competence development at IVS Boarding School

361. HOÀNG VĂN TÙNG

Lựa chọn bài tập sử dụng trọng lượng cơ thể phát triển thể lực chung cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

Hoang Van Tung

Selecting exercises that use body weight to develop general fitness for students at the People's Police College II

365. NGUYỄN VĂN HUY; NGUYỄN THÀNH LONG; ĐÀO VĂN THẮNG

Lựa chọn và đánh giá hiệu quả bài tập phát triển thể lực chuyên môn chạy 100m cho nam học sinh đội tuyển Điền kinh trường Trung học phổ thông Thuận thành Số 1 – Bắc Ninh

Nguyen Van Huy; Nguyen Thanh Long; Dao Van Thang

Selecting and evaluating effectiveness of exercises used in developing male students' professional fitness in 100m running in the Athletics team at Thuan Thanh 1 High School - Bac Ninh

371. LÊ TUẤN

Thực trạng và nguyên nhân ảnh hưởng đến trình độ thể lực chung của nữ sinh viên Học viện Ngân hàng

Le Tuan

Situation and causes affecting the general fitness level of female students at Banking Academy

HUẤN LUYỆN THỂ THAO

377. LÊ TRÍ TRƯỜNG, NGÔ TRANG HƯNG, PHẠM THẾ VƯỢNG

Xây dựng khung chương trình đào tạo vận động viên cấp cao môn Bóng chuyền tại Việt Nam

Le Tri Truong, Ngo Trang Hung, Pham The Vuong

Developing a framework for training high-level volleyball athletes in Vietnam

381. NGUYỄN HỒNG ĐĂNG

Thực trạng chiến thuật phòng thủ phản công của nam vận động viên Karate Việt Nam

Nguyen Hong Dang

The current situation of defensive counter-attack tactics of Vietnamese male Karate athletes

385. NGUYỄN THÀNH LONG

Thực trạng công tác huấn luyện thể lực trong giảng dạy nhảy xa cho nam sinh viên chuyên ngành Điền kinh ngành Huấn luyện thể thao Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Nguyen Thanh Long

Current training activity situation of long-jumping strength for male students majoring in Athletics, in the Sports Training department at Bac Ninh Sports University

390. NGUYỄN LƯƠNG KHÁNH

Xây dựng tiêu chuẩn thể lực và kỹ thuật cho nam vận động viên Bóng đá U17 Khatoco Khánh Hòa

Nguyen Luong Khanh

Developing fitness and technique standards for male athletes in the U17 Khatoco Khanh Hoa football team

395. LÊ TRÍ TRƯỜNG, ĐINH QUANG NGỌC, NGUYỄN NGỌC SỰ

Đánh giá chương trình đào tạo vận động viên Cấp cao môn Bóng chuyền tại Việt Nam thông qua các chỉ số, thông số về đào tạo và hoạt động thi đấu

Le Tri Truong, Dinh Quang Ngoc, Nguyen Ngoc Su

Evaluating the volleyball training program for high-level athletes in Vietnam through indicators and parameters in training and competition

400. VŨ CÔNG LÂM; NGUYỄN THỊ HOA

Hiệu quả ứng dụng bài tập phát triển sức mạnh tốc độ cho nữ vận động viên Boxing lứa tuổi 14 - 15 Trung tâm Huấn luyện Thể dục thể thao tỉnh Thái Bình

Vu Cong Lam; Nguyen Thi Hoa

Effectiveness in applying exercises to develop speed strength for female boxing athletes aged 14 - 15 in Thai Binh Sports Training Center

404. NGUYỄN NGỌC CANG; NGUYỄN VĂN TRƯỜNG

Thực trạng trình độ kỹ thuật của nam vận động viên Đội tuyển Bóng chuyền Trường Đại học Phạm Văn Đồng – Quảng Ngãi

Nguyen Ngoc Cang; Nguyen Van Truong

The situation of technique performance of male athletes in the Volleyball Team at Pham Van Dong University, Quang Ngai

408. LÊ ANH DŨNG; HỒ ĐĂNG QUỐC HÙNG; TRẦN THỊ THÙY LINH

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá năng lực ở vị trí tiền đạo cho vận động viên Bóng đá nam U17 Việt Nam

Lê Anh Dũng; Ho Dang Quoc Hung; Tran Thi Thuy Linh

Developing standards for assessing performance proficiency in the striker position for Vietnam U17 men's football players

413. TÔ XUÂN THỰC, ĐẶNG VĂN DŨNG, NGÔ SÁCH THỌ

Thực trạng chương trình đào tạo vận động viên cấp cao môn Bóng chuyền tại Việt Nam

To Xuan Thuc, Dang Van Dung, Ngo Sach Tho

Current status of the training program for high-level volleyball athletes in Vietnam

417. ĐỖ XUÂN ANH

Thực trạng trình độ sức bền chuyên môn của nam vận động viên Đua thuyền Rowing lứa tuổi 15-17 Cụ ly 2000, Thành phố Hải Phòng

Do Xuan Anh

Current status of professional endurance of male 2000-meter rowing athletes aged 15-17 in Hai Phong city

TÂM LÝ, Y SINH HỌC THỂ DỤC THỂ THAO

421. ĐINH QUANG NGỌC

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trạng thái tâm lý trong tập luyện và thi đấu của vận động viên Đội tuyển quốc gia các môn Bắn Súng, Bắn Cung và Cử Tạ

Dinh Quang Ngoc

Developing criteria for assessing athletes' psychological state in training and competition in the National Athletes Teams of Gun-Shooting, Archery and Weightlifting

425. ĐINH HÙNG TRƯỜNG; ĐỖ ĐÌNH DU

Đánh giá tác động của lượng vận động trong chương trình huấn luyện lên các chỉ tiêu hình thái của vận động viên Cử tạ Đội tuyển trẻ Quốc gia lứa tuổi 15-16 sau 6 tháng tập luyện

Dinh Hung Truong; Do Dinh Du

Evaluating the impact of the exercise quantity in the training program on the morphometric index of the athletes aged 15-16 after 6 months of training in the National Youth Weightlifters Team

431. TRẦN TRUNG KHÁNH; DƯƠNG VĂN PHƯƠNG

Diễn biến hình thái, chức năng tâm sinh lý và thể lực chuyên môn của nam vận động viên Karate lứa tuổi 13-14, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh sau 06 tháng tập luyện

Tran Trung Khanh; Duong Van Phuong

Morphological change, psychophysiological function and professional strength of male Karate athletes aged 13-14 after 6 months of training in Binh Thanh District, Ho Chi Minh City

435. NGUYỄN VĂN TUẤN

Đánh giá hiệu quả tác động của hoạt động thể chất tới chất lượng cuộc sống và căng thẳng tâm lý của sinh viên Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang

Nguyen Van Tuan

Evaluating the effect of physical activities on quality of life and mental stress of students at Bac Giang University of Agriculture and Forestry

441. ĐINH HÙNG TRƯỜNG; ĐINH QUANG NGỌC

Trạng thái tâm lý trước và trong thời kỳ thi đấu của nữ vận động viên Bắn súng Đội tuyển trẻ quốc gia tại Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Dinh Hung Truong; Dinh Quang Ngoc

Research on psychological state during the competition period of female athletes in the National Youth Gun Shooter Team at Bac Ninh Sports University

447. LÊ XUÂN ĐIỆP; TÔ TRUNG KIÊN; MA ĐỨC TUẤN; PHAN THÁI ANH

Mối quan hệ giữa cơ hội hoạt động thể chất với lượng hoạt động thể chất và BMI ở học sinh tiểu học

Le Xuan Diep; To Trung Kien; Ma Duc Tuan; Phan Thai Anh

Relationship among physical activity opportunities, physical activity intake and BMI in primary school students

452. ĐỖ VĂN THẬT

Thực trạng hình thái và chức năng của nam học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I thời điểm nhập trường

Do Van That

Current morphological and functional state of male students of People's Police College I at the time of admission

456. NGUYỄN NGỌC TUẤN; TRẦN TRUNG; NGUYỄN THỊ LAN ANH

Đặc điểm hình thái và cấu trúc thành phần cơ thể học sinh lứa tuổi 7 – 8, Trường Tiểu học Đình Bảng 1, Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Nguyen Ngoc Tuan; Tran Trung; Nguyen Thi Lan Anh

Morphological characteristics and body composition structure of students aged 7 - 8 at the Dinh Bang 1 Primary School, Tu Son town, Bac Ninh province

TIN TỨC, SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT

461. MINH ĐỨC

Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh phát triển và hội nhập trong giai đoạn mới từ năm 2011 đến nay

Minh Duc

Bac Ninh Sports University has developed and integrated in a new period from 2011 to now

464. PHẠM TUẤN DŨNG

Bài tập thể lực tạ bình vôi

Pham Tuan Dung

Weight training exercises with dumbbells



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

ISSN 1859 - 4417

SỐ ĐẶC BIỆT/2021

